

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/HNGĐ- ST

Ngày: 26/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung  
Khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ**

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các hội thẩm: Ông Nguyễn Thế Dương và bà Phạm Thị Thúy Hằng

Đại diện VKSND **huyện B Đ** tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh – chức vụ:  
Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Văn Hơn

Ngày 26 tháng 9 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân **huyện B Đ** xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về  
việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 16/2023/QĐXX ST –HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên  
tòa số: 15/2023, ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, Sinh năm: 1985 – có mặt;

Bị đơn: Anh **Thạch Văn D**, Sinh năm: 1978 – vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ, Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu xin ly hôn đề ngày 10/5/2023, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị Nguyễn Thị B và anh Thạch Văn D lấy nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào năm 2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2017. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp tính nhau, hay cãi nhau, hiện **chị B** không còn tình cảm với **anh D** nữa. Vợ chồng chồng ly thân đã 09 (chín) năm.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B và anh D đã có với nhau 03 người con chung là: Thạch Văn T, sinh ngày 14/3/2003; Thạch Văn T2, sinh ngày:

21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010, các con chung được chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thạch Văn D; Về con chung; Thạch Văn T, sinh năm: 2003 đã trưởng thành tự lao động lo cho bản thân được nên không cần phải nuôi dưỡng; Hai con chung là Thạch Văn T2, sinh ngày: 21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010; Chị B yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Tài và Quang cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Văn D dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, anh D không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn anh Thạch Văn D; Yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là: Thạch Văn T2, sinh ngày: 21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; Tài sản chung; Nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật ; Bị đơn chấp hành chưa đúng

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn anh Thạch Văn D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B thuộc trường hợp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Thạch Văn D có địa chỉ tại: Khu phố Th B, thị trấn ThB, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Thạch Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có ý do. HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn Dung kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/4/2003. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị B, anh D sống hạnh phúc được khoảng 09(chín) năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không nhường nhịn nhau. Hiện tại chị B không còn tình cảm với anh D nữa.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 20/3/2023, của Tòa án nhân dân huyện B Đ tại địa phương nơi chị B, anh D sinh sống được biết: Ban điều hành Khu phố Th B, thị trấn ThB, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước không nắm rõ thông tin tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị B, anh D do khi mâu thuẫn các đương sự không báo cho khu phố biết. Tuy nhiên xét trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp anh D để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng của anh với chị B nhưng anh D vắng mặt không lý do. Xét lời khai của chị B về mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của chị với anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Thạch Văn D là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

*Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị B và anh D có với nhau 03 (ba) con chung là: Thạch Văn T, sinh ngày 14/3/2003; Thạch Văn T2, sinh ngày: 21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010; (Con chung Thạch Văn T, sinh ngày: 14/3/2003 đã trưởng thành, tự lao động được không cần phải nuôi dưỡng); Hai con chung là T2 và Qu còn nhỏ, chị B yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa **anh D** vắng mặt; Mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai anh D vẫn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến của mình.

Xét thấy: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; Mặt khác tại biên bản tư ghi lời khai ngày 05/7/2023 hai cháu Tài và Quang đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ em vị thành niên căn cứ vào các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình thiết nghĩ Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao con chung 02 (hai) con chung chưa thành niên là: Thạch Văn T2, sinh ngày: 21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010 cho chị Nguyễn Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có; chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đối với bị đơn anh Thạch Văn D.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Thạch Văn D.

2. *Về con chung*: Tuyên giao 02 (hai) con chung chưa thành niên là: Thạch Văn T2, sinh ngày: 21/3/2008 và Thạch Văn Qu, sinh ngày: 02/6/2010 cho chị Nguyễn Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con các chung đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tiền số 0017775 ngày 20/6/2023.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- Dương sự;
- UBND xã Thiện Hưng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lâm Thị Chức**